
TRAO ĐỔI

ĐÁNH GIÁ LẠI PHONG TRÀO LÀNG MỚI CỦA HÀN QUỐC VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHO PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM

Cao Thị Hải Bắc*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 26 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 02 tháng 01 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 09 tháng 01 năm 2017

Tóm tắt: Trong 5 năm trở lại đây, phong trào xây dựng phát triển nông thôn mới đang được quan tâm đặc biệt tại Việt Nam. Việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 của Thủ tướng Chính phủ năm 2010 đã phản ánh rõ quyết tâm của Việt Nam trong việc cải thiện, nâng cao điều kiện sống tại khu vực nông thôn nhằm tạo nên sự phát triển cân bằng giữa nông thôn và đô thị cũng như sự phát triển bền vững của quốc gia. Trong công cuộc xây dựng phát triển nông thôn mới này, Việt Nam sẽ không thể thành công nếu không học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia đi trước trên thế giới. Do có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa cũng như các bối cảnh thực hiện phong trào xây dựng phát triển nông thôn mới, Việt Nam đang đặc biệt quan tâm đến việc áp dụng các mô hình phát triển làng mới của Hàn Quốc vào công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu học thuật tìm hiểu về phong trào làng mới của Hàn Quốc nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam không chỉ hạn chế về số lượng mà còn chưa đánh giá được đầy đủ, khách quan về phong trào làng mới của Hàn Quốc. Do đó, hầu hết các nghiên cứu này chưa chỉ ra được các phương pháp luận đúng đắn phù hợp với công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. Nắm rõ các hạn chế này, bài viết này sẽ đánh giá lại phong trào làng mới của Hàn Quốc với quan điểm phê phán, tức là xem xét cả những nhân tố thành công và những điểm hạn chế của phong trào này. Từ đó, bài viết sẽ chỉ ra những phương pháp luận đúng đắn cho công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam từ những kinh nghiệm của Hàn Quốc.

Từ khóa: phong trào xây dựng phát triển nông thôn mới, phong trào làng mới, Saemaul undong

1. Đặt vấn đề

Phong trào làng mới là một trong những di sản quan trọng nhất của lịch sử phát triển nông thôn của Hàn Quốc. Phong trào này mang ý nghĩa sâu sắc không chỉ với Hàn Quốc mà còn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Với ý nghĩa trong nước, phong trào làng mới được phát động từ năm 1970 đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế nông

thôn vốn đang bị trì trệ từ những năm 1960 và làm thay đổi hệ thống tư tưởng nhận thức của người nông dân Hàn Quốc đương thời. Với ý nghĩa quốc tế, phong trào này được đánh giá là phương pháp luận đúng đắn và hiệu quả để xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn của nhiều quốc gia đang phát triển ở Đông Nam Á (Jeong Gi Hwan, 2006, tr. 68). Tuy nhiên, mặc cho những ý nghĩa quan trọng đối với trong cũng như ngoài nước, phong trào làng mới vẫn không tránh khỏi những hạn chế nhất

* ĐT.: 84-914990281, Email: bacth@vnu.edu.vn

định. Khi đánh giá về phong trào làng mới, nếu không tìm hiểu cả những điểm hạn chế này có thể khiến không chỉ thế hệ trẻ Hàn Quốc mà cả các quốc gia đang tìm hiểu về kinh nghiệm phát triển nông thôn của Hàn Quốc hiểu không đúng và đầy đủ về phong trào này. Do vậy, việc đánh giá có tính phê phán đối với phong trào làng mới của Hàn Quốc là một đòi hỏi vô cùng cần thiết vừa mang ý nghĩa lý luận vừa mang ý nghĩa thực tiễn cao.

Từ sau dấu mốc đổi mới năm 1986 đến nay, kinh tế xã hội Việt Nam cũng không ngừng biến đổi và phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa - toàn cầu hóa. Trong bối cảnh đó, nông thôn Việt Nam cũng đang từng ngày thay da đổi thịt. Lịch sử phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc v.v... đã chứng minh rằng muốn phát triển bền vững thì phải phát triển song song cả khu vực nông thôn và đô thị để giảm thiểu tối đa sự chênh lệch giữa hai khu vực này. Là một nước phát triển sau, có điều kiện học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước, Việt Nam đã ý thức rõ được tầm quan trọng của việc phát triển nông thôn thời kì hội nhập. Trên tinh thần đó, năm 2010, Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020. Một nửa chặng đường đã đi qua, Chương trình phát triển nông thôn mới ở Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu, song cũng còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Do vậy, việc nghiên cứu những thành công và hạn chế của phong trào làng mới của Hàn Quốc sẽ góp phần quan trọng trong việc cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam.

Có thể chia các nghiên cứu về chủ đề nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất chuyên nghiên cứu

về phong trào làng mới của Hàn Quốc như Park Jin Do & Han Do Hyun (1999), Jeong Yeong Guk (2003), Kim Tae Yeong (2004), Oh Yu Seok (2005), Jeong Gi Hwan (2006), Han Do Hyun (2006), Đặng Kim Sơn & Phan Sỹ Hiếu (2001), Đặng Kim Sơn (2001), Phạm Thị Oanh (2011), Han Do Hyun (2012), Park Jin Hwan (2005), Hwang Yeon Su (2005), Phạm Xuân Liêm (2014) v.v... Nhóm thứ hai chuyên nghiên cứu về phong trào phát triển nông thôn mới ở Việt Nam như Lê Tiêu La (2007), Trần Ngọc Ngoạn (2007), Hoàng Ngọc Hòa (2008), Bùi Quang Dũng (2009), Nguyễn Thanh Tuấn (2014) v.v... Nhóm thứ ba là những nghiên cứu so sánh để rút ra bài học về phát triển nông thôn mới ở Việt Nam từ kinh nghiệm của Hàn Quốc như Đinh Thị Thu Hương (2013), Lee Yang Su (2014), Trần Hữu Trí (2014), Phan Nguyễn Ngọc Thy (2014), Đinh Quang Hải (2014), Nguyễn Tuấn Anh và cộng sự (2016), Hoàng Bá Thịnh (2016) v.v...

Nhóm thứ nhất được xem là những tìm hiểu bước đầu, giới thiệu về phong trào làng mới của Hàn Quốc. Một số nghiên cứu thuộc nhóm này chủ yếu miêu tả lại lịch sử ra đời, các giai đoạn triển khai và kết quả đạt được của phong trào này như Jeong Yeong Guk (2003), Kim Tae Yeong (2004), Đặng Kim Sơn (2001), Phạm Thị Oanh (2011), trong khi đó, một số nghiên cứu khác như Park Jin Do & Han Do Hyun (1999), Han Do Hyun (2012), Hwang Yeon Su (2005), Phạm Xuân Liêm (2014) lại tập trung phân tích những bài học thành công của phong trào này. Tương tự như vậy, ở nhóm thứ hai, một số nghiên cứu thiên về giới thiệu tổng quan về cuộc vận động xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam như Hoàng Ngọc Hòa (2008), Nguyễn Thanh Tuấn (2014) v.v... Một số nghiên cứu khác lại tập trung phân tích những trường hợp xây

dựng nông thôn mới thành công hoặc chỉ ra và bàn luận về những vấn đề còn tồn tại trong công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam như Lê Tiêu La (2007), Trần Ngọc Ngoạn (2007), Bùi Quang Dũng (2009) v.v... Nhóm nghiên cứu thứ ba đang là chủ đề được nhiều học giả Việt Nam quan tâm gần đây. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu thuộc nhóm này đều mới chỉ tập trung phân tích các yếu tố thành công của phong trào làng mới của Hàn Quốc mà chưa đề cập nhiều đến những điểm hạn chế của phong trào này. Một số nghiên cứu như Đinh Thị Thu Hương (2013), Trần Hữu Trí (2014), Phan Nguyễn Ngọc Thy (2014), Hoàng Bá Thịnh (2016) v.v... tiếp cận vấn đề bằng phương pháp so sánh phong trào làng mới của Hàn Quốc với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới của Việt Nam ở một hay nhiều khía cạnh như phương thức triển khai phong trào, bối cảnh thực hiện phong trào, mức độ tham gia của người dân v.v... Mặc dù điểm chung của các nghiên cứu này là tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt của phong trào làng mới ở Hàn Quốc và phong trào xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam để cuối cùng rút ra những gợi ý hay bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nhưng khuôn mẫu phân tích chung của các nghiên cứu này là nêu lên các mặt thành công của phong trào làng mới của Hàn Quốc, đồng thời coi đó là những mặt chưa thành công của phong trào vận động nông thôn mới ở Việt Nam.

Bài viết này cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh kết hợp phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu nhưng không đi theo khuôn mẫu phân tích của nhiều nghiên cứu đi trước. Tức là, bài viết này so sánh phong trào làng mới của Hàn Quốc và phong trào xây dựng nông thôn mới của Việt Nam trên cơ sở

phân tích cả mặt thành công và mặt hạn chế của mỗi phong trào, từ đó nêu lên những quan điểm cá nhân về phương pháp luận đúng đắn để xây dựng nông thôn mới thành công, hiệu quả ở Việt Nam.

Với nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam và Hàn Quốc đã và đang không ngừng học hỏi, chia sẻ lẫn nhau những kinh nghiệm về phát triển đất nước nói chung và phát triển nông thôn nói riêng. Do vậy, các nghiên cứu so sánh liên hệ phong trào làng mới của Hàn Quốc với công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, ở Việt Nam, ngoài các kênh thông tin ngôn luận, các nghiên cứu học thuật về chủ đề này còn tương đối hạn chế. Nắm rõ tính cấp thiết của đề tài và những khoảng trống chưa được giải quyết triệt để trong những nghiên cứu đi trước, bài viết này sẽ đánh giá lại phong trào làng mới của Hàn Quốc với quan điểm phê phán, tức là xem xét cả những nhân tố thành công và những điểm hạn chế của phong trào này, từ đó chỉ ra những phương pháp luận đúng đắn cho công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam. Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: (1) Những nhân tố thành công và những điểm hạn chế của phong trào làng mới của Hàn Quốc là gì? (2) Việt Nam có thể học hỏi những kinh nghiệm phát triển nông thôn nào từ phong trào làng mới?

2. Đánh giá lại phong trào làng mới

2.1. Các nhân tố thành công

Nhiều nghiên cứu về phong trào làng mới như Kim Tae Yeong (2004), Jeong Gi Hwan (2006), Han Do Hyun (2006) đã đưa ra nhận định chung rằng phong trào làng mới đạt được thành công nhờ ba nhân tố chính. Đó là vai trò lãnh đạo của tổng thống Park Chung Hee, tinh thần cống hiến của cán bộ quản lý tại các làng xã và tinh thần tham gia của người

dân nông thôn. Bài viết này cũng sẽ khảo sát và phân tích trọng tâm ba nhân tố nêu trên.

2.1.1. Vai trò lãnh đạo của tổng thống Park Chung Hee

Jeong Gi Hwan (2006) đã nhấn mạnh rằng không thể nói phong trào làng mới thành công chỉ nhờ vai trò lãnh đạo của tổng thống Park Chung Hee nhưng ngược lại, cũng khó có thể nói rằng phong trào làng mới đạt được hiệu quả mà không cần đến vai trò của tổng thống Park. Với việc lựa chọn con đường của chủ nghĩa phát triển mang tính Hàn Quốc, tổng thống Park đã đóng góp to lớn vào việc tạo nên kì tích kinh tế cho xứ sở kim chi. Đặc trưng của chủ nghĩa phát triển mang tính Hàn Quốc là coi sự phát kinh tế và tính hiệu quả là mục đích tối cao. Tức là chính phủ vừa đóng vai trò chủ đạo đưa ra đường lối phát triển kinh tế vừa thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dựa theo hiệu quả lao động của từng doanh nghiệp đó. Theo đó, các tập đoàn kinh tế lớn (Jaebol) thường nhận được hỗ trợ từ chính phủ nhiều hay ít dựa vào các tiêu chí như hiệu quả kinh doanh, thành tựu xuất khẩu v.v... Áp dụng phương thức hỗ trợ này vào phong trào phát triển nông thôn, tổng thống Park đã coi làng như một đơn vị sản xuất và hỗ trợ cho các làng dựa theo tiêu chí thành quả lao động. Theo đó, làng nào càng đạt được nhiều thành tựu trong việc xây dựng, cải tạo, nâng cao đời sống nông thôn, làng đó càng nhận được nhiều hỗ trợ để tiếp tục phát triển làng mình và ngược lại, làng nào thực hiện các dự án phát triển nông thôn kém hiệu quả, làng đó sẽ không được tiếp tục nhận các hỗ trợ từ chính phủ (Jeong Gi Hwan, 2006, tr. 70). Ngay trong năm đầu tiên phát động phong trào, chính phủ đã cấp miễn phí cho mỗi làng 355 bao xi măng và giao cho dân làng được tự quyết phương án sử dụng. Kết quả chỉ sau

một năm, hơn một nửa tổng số làng có sự cải thiện đời sống. Năm 1972, chính phủ chọn ra 16.600 xã có thành tích tốt được nêu gương khen thưởng và tiếp tục hỗ trợ 500 bao xi măng và 1 tấn thép cho mỗi xã theo phương châm hỗ trợ những làng biết vượt lên khó khăn (Hoàng Bá Thịnh, 2016, tr. 4). Hơn nữa, các làng chỉ được tham gia các dự án cao sau khi đã hoàn thành các dự án loại thấp. Các làng sau khi đánh giá hàng năm được phân loại thành 3 loại: không hoàn thành tốt các dự án kết cấu hạ tầng, sẽ không còn được triển khai các dự án nâng cao thu nhập; hoàn thành tốt các dự án kết cấu hạ tầng đơn giản, nhưng chưa hoàn thành tốt các dự án kết cấu hạ tầng mang tính cộng đồng cao sẽ không được phép tham gia dự án nâng cao thu nhập; hoàn thành tốt các dự án kết cấu hạ tầng, những làng này sẽ được chính phủ trợ giúp triển khai các dự án nâng cao thu nhập cho nông dân (Đặng Kim Sơn, 2001, tr. 86). Có thể nói, nếu không nhờ chính sách phát triển mang tính khích lệ này của tổng thống Park thì phong trào làng mới đã không thể gặt hái được thành công.

Bên cạnh đó, thấy rõ tầm quan trọng của các cán bộ quản lý làng xã, tổng thống Park đã xây dựng chiến lược kết nối mạng lưới (networking) và chiến lược giáo dục tinh thần đặc biệt cho các cán bộ quản lý này. Các cán bộ quản lý cấp làng xã được cử đi đào tạo tại trung tâm đào tạo về phong trào làng mới. Tại đây, họ được giáo dục về thái độ sống tích cực, tiến bộ, tinh thần tự lực, tự cường cũng như các nền tảng tinh thần của thời kì cận đại hóa. Thông qua các khóa đào tạo, các cán bộ này có thể nắm rõ phương hướng triển khai các dự án làng mới tại làng mình. Đặc biệt, tổng thống Park còn kêu gọi các doanh nhân, cán bộ nhà nước ở các cấp, các trí thức cùng tham gia các khóa đào tạo với các cán bộ quản

lý cấp làng xã với mục đích nhằm tạo mạng lưới quan hệ xã hội rộng lớn cho họ (Han Do Hyun, 2006, tr. 374). Bên cạnh đó, thông qua các khóa đào tạo cùng nhau, các quan chức cấp cao hiểu được những vai trò lớn lao của Làng mới, thông cảm với những khó khăn của người nông dân, tin tưởng tinh thần của nông dân có thể vượt qua những thách thức của dân tộc. Về phía mình, lãnh đạo nông dân quen việc liên kết với lãnh đạo cấp cao, nâng cao vị thế tự tin và hiểu biết của mình. Ngoài các cấp lãnh đạo chính quyền, từ năm 1974 đến 1978, có 2.300 giáo sư, 800 nhà tu hành và lãnh đạo tôn giáo, khoảng 600 nhà báo, nhà văn đã tham gia khóa đào tạo với các lãnh đạo làng, trở thành những ủng hộ viên rất tích cực cho phong trào trên mọi lĩnh vực giáo dục, tuyên truyền cho toàn xã hội, kéo thành thị và nông thôn lại gần nhau về tư tưởng và hành động (Đặng Kim Sơn, 2001, tr. 84). Có thể nói, chiến lược kết nối mạng lưới này đã tạo nên lòng tự tin và lòng tự tôn cho người nông dân, là một trong những chìa khóa quan trọng mở ra thành công của phong trào làng mới. Từ đó, người nông dân sẽ sẵn sàng tự nguyện cống hiến hết mình cho phong trào. Nhìn từ góc độ xã hội học có thể thấy chiến lược của tổng thống Park chính là chiến lược nâng cao vốn xã hội (Social capital) cho người nông dân. Vốn xã hội đủ lớn sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy các công việc diễn ra nhanh và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, để củng cố vững chắc lòng tin và tinh thần thống nhất cao độ của người nông dân với tổng thống, tổng thống Park còn thực hiện nhiều chiến lược khác như mời các cán bộ quản lý làng xã đến nói chuyện, trao đổi công việc tại Nhà Xanh (nhà quốc hội của Hàn Quốc) và yêu cầu các lãnh đạo cấp cao lắng nghe các cán bộ cấp làng xã phát biểu

về những thành tựu làng họ đã đạt được (Han Do Hyun, 2006, tr. 364). Đây cũng được đánh giá là một chiến lược dụng quân tuyệt vời của tổng thống Park. Tổng thống đã tạo ra một môi trường thân thiện giữa các giai tầng khác nhau. Người dân tin tưởng chính phủ như một người bạn và tự hào phát biểu trước chính phủ về các thành quả đã đạt được. Với chiến lược này, người nông dân đã trở thành chủ thể chứ không phải là đối tượng của cận đại hóa. Đồng thời, ý chí của tổng thống và người nông dân đã được thống nhất cao độ.

Lòng nhiệt huyết của tổng thống Park không chỉ được khẳng định trong sách vở mà còn được thừa nhận bởi chính người nông dân. Theo kết quả điều tra thực nghiệm của Han Do Hyun (2006), đại đa số người nông dân đều đánh giá cao các đường lối chính sách về phong trào làng mới và nhấn mạnh đặc biệt đến ‘tình yêu nông dân’ của tổng thống Park (Han Do Hyun, 2006, tr. 366). Những phân tích nêu trên giúp khẳng định chắc chắn hơn nữa vai trò lãnh đạo tài tình của tổng thống Park. Hay nói cách khác, tổng thống Park là người thủ lĩnh vĩ đại của phong trào làng mới.

2.1.2. Vai trò của các cán bộ quản lý cấp làng xã

Nhân tố quan trọng thứ hai làm nên thành công của phong trào làng mới là sự cống hiến của các cán bộ quản lý làng xã. Các cán bộ quản lý làng xã chịu trách nhiệm tổng thể như xây dựng kế hoạch phát triển làng, nhận hỗ trợ hàng năm từ chính phủ và chỉ đạo triển khai các dự án làng mới. Công việc của họ là những công việc không được trả lương nhưng với nhiệt huyết tràn đầy, họ đã triển khai phong trào làng mới một cách sôi nổi.

Theo Han Do Hyun (2006: 10-12), các cán bộ quản lý cấp làng xã của Hàn Quốc

những năm 1960 được mệnh danh là những người nông dân kiêu mẫu. Bước vào những năm 1970, họ được cử đi học các khóa đào tạo tinh thần nhà doanh nghiệp tại các trường nội trú phát triển nông thôn. Theo ghi chép của Han Do Hyun (2012: 34), đến cuối năm 1981 đã có 115 khóa học dành cho các lãnh đạo nông dân và 100 khóa học dành riêng cho các lãnh đạo nữ được hoàn thành. Trải qua quá trình đào tạo, hệ tư tưởng theo chủ nghĩa định mệnh đã được thay thế bằng lối tư duy tích cực, sáng tạo và phát triển. Họ được học về bí quyết kinh doanh của chủ nghĩa tư bản và phương pháp khắc phục vượt qua khó khăn. Sau khi hoàn thành khóa học, họ được khắc sâu ý niệm ‘Ai cũng có thể làm’ để trở về quê hương và truyền bá rộng rãi ý niệm này tới toàn thể dân làng. Nhiều người trong số họ tự cảm thấy mình như ‘người sáng tạo nên lịch sử mới’. Han Do Hyun (2006: 12) đã cho thấy rõ nhiệt huyết mang màu sắc tôn giáo của các cán bộ quản lý làng xã thông qua những dòng nhật kí của họ: “Tôi đã nỗ lực không ngừng vì một cuộc sống không có gì phải hổ thẹn bởi tôi là tín đồ của tín ngưỡng làng mới”.

Đáng chú ý là sự tham gia tích cực của các cán bộ quản lý cấp làng xã là nữ giới. Nhằm thay đổi tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ trong xã hội truyền thống, chính phủ qui định mỗi làng tự bầu chọn ra một lãnh đạo nam và một lãnh đạo nữ có quyền lực như nhau và cùng phối hợp giải quyết các công việc. Các lãnh đạo nữ này cũng thành lập Hội phụ nữ tại mỗi làng để đảm nhận vai trò kêu gọi toàn dân làng tích cực thực hiện các phong trào như tiết kiệm, chăm chỉ, tự lực tự cường, chống tệ nạn xã hội v.v... Han Do Hyun đã tập hợp được khá nhiều các ghi chép lịch sử về phong trào làng mới. Trong đó, có phần nói rằng: *chính nhờ những người phụ nữ mạnh*

dạn lên tiếng phản đối các ông chồng thường xuyên uống rượu, cờ bạc cũng như tích cực ủng hộ việc dẹp bỏ các quán rượu mà các làng xã nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo và các thanh thiếu niên không còn chịu các nguy cơ sa vào nhiều tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, các lãnh đạo của Hội phụ nữ còn đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn người nông dân các phương pháp mới, hiệu quả để tăng gia sản xuất, tăng thu nhập – điều mà họ đã học được từ các trường nội trú (Han Do Hyun, 2012, tr. 32-33).

Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý làng xã còn đóng vai trò to lớn trong việc nuôi dưỡng ý thức đồng tâm nhất trí trong dân làng, đồng thời làm phát triển phong trào làng mới thành phong trào toàn dân. Bằng việc sáng lập các biểu tượng như đồng phục, cờ, bài hát riêng cho phong trào và tổ chức nhiều như kiện như họp nhóm, nêu gương thành công của các làng, tổ chức đại hội các cán bộ quản lý cấp làng xã trên toàn quốc, họ đã khắc sâu lòng tự hào và tinh thần làng mới vào mỗi người nông dân. Sự thật này đã được khẳng định nhiều lần trong hầu hết các nghiên cứu về phong trào làng mới (Han Do Hyun, 2006, tr. 13-14).

2.1.3. Vai trò của người nông dân

Nhân tố thứ ba mang tính quyết định thành công của phong trào làng mới là sự tham gia của người nông dân. Phần lớn các nghiên cứu đều nhắc đến hai hình thức tham gia là tham gia tự nguyện và tham gia cưỡng chế. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều thể hiện các quan điểm khác nhau khi phân tích về hai hình thức tham gia này. Park Jin Do và Han Do Hyun (1999) nhấn mạnh rằng việc lựa chọn các dự án làng mới để hỗ trợ thời kì đầu những năm 1970 dựa trên nguyên tắc ưu tiên những dự án thiết yếu cho người nông dân và

những dự án có thành quả rõ ràng và vĩ mô hơn là dựa trên nguyên tắc mang tính kinh tế. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các dự án còn dựa trên một nguyên tắc quan trọng khác, đó là phân loại các làng thành các cấp độ: khởi đầu, tự tạo, tự lập rồi đưa ra các hình thức hỗ trợ riêng cho từng cấp độ. Nguyên tắc này đã góp phần khuyến khích người nông dân tham gia tích cực, sáng tạo hơn. Như vậy, ngay từ giai đoạn bắt đầu, phong trào làng mới đã đặc biệt coi trọng sự tham gia tự nguyện của nông dân với tinh thần cần mẫn, tự tạo, hợp tác và thực tế đã chứng minh nhờ có sự ủng hộ tự nguyện của nông dân mà phong trào làng mới mới có được những thành công vang dội như vậy. Tuy nhiên, từ năm 1972, phong trào làng mới bổ sung và mở rộng thêm dự án mang tên ‘nâng cao thu nhập và đời sống tinh thần’. Để triển khai dự án này, chính phủ đã thành lập Ban chuyên trách xúc tiến dự án và từ đó, phong trào làng mới đã biến đổi nhanh chóng thành phong trào do quan chức không phải dân làm chủ. Như vậy, theo quan điểm của Park Jin Do và Han Do Hyun, thời kì đầu, sự tham gia của người nông dân là hoàn toàn tự nguyện, nhưng kể từ năm 1972 thì sự tham gia này chuyển dần sang thành sự tham gia mang tính cưỡng chế.

Đưa ra cái nhìn khách quan hơn, Oh Yu Seok (2003) cho rằng sự tham gia tự nguyện hay không còn tùy thuộc nhiều yếu tố như ý thức từng hộ nông dân, từng loại dự án, từng thời điểm. Đặc biệt, đối với những dự án cấp thiết đã được chính phủ thông qua mà người dân cố tình không thực hiện hoặc có hành vi chống đối thì không còn cách nào khác là phải thực hiện cưỡng chế vì lợi ích chung. Với những trường hợp như vậy khó có thể đánh giá phong trào làng mới là thiếu dân chủ. Mặt khác, một minh chứng nữa đã khẳng định

đóng góp không nhỏ của người nông dân. Bộ Nội vụ Hàn Quốc đã thống kê được rằng từ năm 1971 đến năm 1980, trong số tổng kinh phí 3.425 tỷ won đầu tư cho phong trào làng mới thì hỗ trợ của chính phủ chỉ chiếm 27,8% và đóng góp của nông dân chiếm 49,4%, phần còn lại là các khoản nông dân vay của các tổ chức tín dụng. Nếu tính cả phần vốn vay thì đóng góp của người dân là 72,2% (Hoàng Bá Thịnh, 2016, tr. 7). Con số này đã khẳng định rõ thêm tinh thần tự nguyện của nông dân chính là nhân tố mang tính quyết định đến thành công của phong trào làng mới.

Khác với các quan điểm nêu trên, Park Jin Hwan (2005) cho rằng khi đánh giá vai trò của người nông dân trong phong trào làng mới thì không cần phải xem xét sự tham gia của họ có tự nguyện hay không. Theo ông, dù là tham gia tự nguyện hay cưỡng chế thì người nông dân tại các làng xã đã trở thành nguồn chủ lực trong việc cung cấp cho phong trào đất đai và sức lao động một cách miễn phí cũng như làm giảm được gánh nặng cho chính phủ về tài chính (Park Jin Hwan, 2005, tr. 107).

2.2. Hạn chế của phong trào làng mới

Những thành quả về vật chất và tinh thần của phong trào làng mới được đánh giá cao không chỉ ở trong nước mà còn ở nước ngoài. Thành quả vật chất tiêu biểu nhất chính là việc thực hiện thành công công cuộc xóa đói giảm nghèo. Tính đến năm 1975, nông thôn Hàn Quốc đã thay da đổi thịt rõ rệt như sản lượng gạo đạt được mức tự túc tự cấp, đa dạng hóa mặt hàng nông sản, giáo dục, y tế, phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, môi trường sống tại các khu vực nông thôn được cải thiện tốt hơn đáng kể. Cùng với đó, thành quả tiêu biểu nhất về tinh thần phải kể đến chính là sự nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ quản lý

cấp làng xã và cải thiện được ý thức của người nông dân ở nhiều vùng nông thôn (Jeong Gi Hwan, 2006, tr. 69-70). Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã đạt được, phong trào làng mới vẫn không tránh khỏi một số điểm hạn chế.

Hạn chế thứ nhất là trong quá trình triển khai các dự án, trường hợp lãnh đạo áp đặt người nông dân về ý tưởng và phương thức thực hiện khiến cho tinh thần tự nguyện và tính sáng tạo của người nông dân bị hạn chế vẫn còn tồn tại ở nhiều làng xã. Park Jin Do và Han Do Hyun (1999) đã tổng hợp được các ghi chép lịch sử nói rằng “Nếu các hộ nông dân không thực hiện theo đúng mục tiêu và chỉ thị của phong trào làng mới thì có thể bị cưỡng chế bằng cách cho xe ủi đất đến san phẳng nhà”. Do không chịu đựng nổi những cuộc đàn áp bạo lực của chính quyền, nhiều hộ nông dân đã chấp nhận ly hương ly nông. Đặc biệt, để nhận được điểm số cao khi đánh giá về tiến độ của phong trào tại địa phận thuộc quyền quản lý của mình, một bộ phận cán bộ nhà nước đã huy động nhiều các phương tiện cưỡng chế người nông dân. Hơn nữa, trường hợp các học sinh buộc phải nghỉ học để tham gia vào các công việc cải tạo làng mới cũng xảy ra tương đối nhiều. Ngay cả các hợp tác xã vốn là cơ quan phải bảo vệ người nông dân cũng đảm nhận chức năng chủ yếu là truyền bá các chỉ thị của chính phủ hơn là truyền tải tiếng nói của người nông dân. (Park Jin Do và Han Do Hyun, 1999, tr. 33).

Hạn chế thứ hai của phong trào làng mới thường được đề cập đến là chưa thể giải quyết triệt để vấn đề mang tính cấu trúc ở nông thôn. Đó là những vấn đề như giá nông sản thấp, nhập siêu nông sản nước ngoài, phát triển mất cân bằng không gian nông nghiệp và công nghiệp, nợ nông gia, quản lý nông trường

thiếu dân chủ. Bên cạnh đó, phong trào làng mới bị chỉ trích là chỉ triển khai chủ yếu đến các dự án kinh tế mà chưa quan tâm nhiều đến các dự án phúc lợi xã hội và nâng cao đời sống văn hóa tại các làng xã. Điều này đã làm tăng thêm sự chênh lệch giữa nông thôn và đô thị về văn hóa, giáo dục, y tế và làm giảm đáng kể lực lượng lao động trẻ, có năng lực tại các khu vực nông thôn (Park Jin Do và Han Do Hyun, 1999, tr. 77-78).

Hạn chế thứ ba cần phải phê phán là phong trào làng mới đã làm mất đi tính tự chủ và tính lịch sử của các làng xã. Hwang Yeon Su (2006: 40) nhận xét rằng phong trào làng mới được triển khai trên nền tảng là các dự án hướng ngoại và thiên về số lượng, do vậy tính chất lượng của các dự án hay tính đặc thù của từng làng xã chưa được coi trọng.

Không thể phủ nhận những hạn chế trên đã từng tồn tại trong quá trình triển khai phong trào làng mới. Tuy nhiên, theo quan điểm của bài viết này, cần xem xét những hạn chế này tồn tại ở mức độ nào và trong những điều kiện, hoàn cảnh nào sẽ góp phần đánh giá đúng và khách quan hơn về phong trào. Nếu nhìn ở lập trường của người nông dân thì những phê phán nêu trên được coi là hạn chế của phong trào nhưng nếu nhìn ở lập trường của nhà lãnh đạo tối cao Park Chung Hee thì tính áp đặt, cưỡng chế hay khuynh hướng ưu tiên phát triển các dự án làng mới tạo ra lợi ích kinh tế cao chính là những phương tiện cần thiết để củng cố và duy trì thể chế chính trị mới. Với tổng thống, dù triển khai phong trào bằng phương thức nào đi nữa thì quan trọng nhất là phải nhanh chóng tạo ra những thành quả nhất định để lôi kéo sự ủng hộ của toàn thể nhân dân. Đây là lý do khiến cho phong trào thời kì đầu tập trung vào các dự án có thể áp dụng chung cho tất cả các làng và các dự án

hướng ngoại, thiên về số lượng hơn là các dự án thiên về chất lượng, phản ánh các đặc trưng riêng của từng làng xã. Nói một cách khách quan, những hạn chế nêu trên là không thể tránh khỏi ở giai đoạn bắt đầu nhưng lại trở thành những bài học quý báu cho nhiều nước đang phát triển để tránh phạm phải những sai lầm ngay từ giai đoạn đầu tiên.

3. Bài học kinh nghiệm cho xây dựng và phát triển nông thôn ở Việt Nam

3.1. Thực trạng xây dựng và phát triển nông thôn ở Việt Nam

3.1.1. Những biến đổi tích cực

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2008, sau khi gia nhập WTO, kinh tế xã hội tại khu vực nông thôn ở Việt Nam đã có nhiều biến đổi tích cực. Thứ nhất, cơ sở hạ tầng nông thôn liên tục được cải thiện. Tính đến năm 2007, số xã được lắp đặt mạng lưới điện đã chiếm 98,9% tổng số xã trên cả nước; 96,6% số xã trên cả nước có đường rộng dành cho ô tô. Hệ thống y tế, hệ thống tưới tiêu, mạng lưới thông tin văn hóa cũng không ngừng được cải thiện và đạt được những thành tích đáng kể. Thứ hai, điều kiện sống ở khu vực nông thôn cũng ngày càng tốt hơn. Thu nhập bình quân một năm của một hộ nông dân năm 2007 là 21.758.000 đồng, tăng 43,1% so với năm 2002. Tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 18% năm 2007, giảm 3,2% so với năm 2004. Thứ ba, nhìn chung, kinh tế nông thôn đang chuyển đổi nhanh chóng từ loại hình kinh tế tự cung tự cấp hay loại hình thuần nông sang loại hình kinh tế thương nghiệp đa ngành nghề. GDP ở lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp liên tục tăng từ 3,4% năm 2006 đến 3,41% năm 2007 và 3,79% năm 2008.

Đặc biệt, sang năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg

phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, với mục tiêu phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 50%. Có thể tổng hợp kết quả đã đạt được trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Một số thành quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2014

Hạng mục	Thành quả
Cơ chế chính sách thực hiện Chương trình	Nhiều cơ chế chính sách phù hợp với địa phương như: chính sách cấp xi măng để dân tự làm đường ở Tuyên Quang; chính sách hỗ trợ lãi suất để khuyến khích nông dân vay chuyển đổi cơ cấu sản xuất của Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội hoặc mua máy móc làm đất, máy gặt đập liên hợp của Thái Bình; chính sách phát triển mỗi làng một sản phẩm của Quảng Ninh...
Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình	Kiến toàn từ Trung ương đến cơ sở: BCD và Thường trực BCD Chương trình ở Trung ương -> BCD chương trình cấp tỉnh, thành phố -> BCD huyện. Bộ phận giúp việc đặt trong phòng Nông nghiệp huyện -> BCD cấp xã và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới
Công tác tuyên truyền, vận động	BCD Chương trình ở các địa phương chủ động chỉ đạo biên tập, ban hành sổ tay hướng dẫn, xây dựng phim tư liệu, bản tin, tập san riêng về xây dựng nông thôn mới phát đến các cơ quan, cán bộ tham gia chỉ đạo xây dựng nông thôn mới và người nông dân.
Công tác kiểm tra, giám sát	Các Bộ, ngành đã tổ chức nhiều đoàn khảo sát, các hội nghị sơ kết để đánh giá kết quả, kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách, giải pháp thực hiện hiệu quả hơn các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành. Nhiều địa phương đã quy định cụ thể thời gian kiểm tra địa bàn của BCD các cấp.

Nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới	Trong 3 năm 2011-2013, Chương trình đã huy động được 485 nghìn tỷ đồng. Ngày 25/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 195/QĐ-TTg phân bổ nguồn vốn trái phiếu cho năm 2014 - 2016 là 15.000 tỷ đồng.
Quy hoạch và lập đề án nông thôn mới	Đến quý 1/2014 đã có 93,7% số xã của cả nước được phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, 81% số xã được phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xác định mục tiêu và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên.
Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	- 11,6% xã đạt tiêu chí giao thông - 31,7% xã đạt tiêu chí thủy lợi - 67,2% xã đạt tiêu chí về điện - 77% xã đạt tiêu chí về bưu điện - 21,9% xã đạt tiêu chí trường học - 45,9% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế - 14,9% xã đạt tiêu chí về môi trường - 30,2% xã đạt tiêu chí về chợ nông thôn - 7,7% xã đạt chuẩn về cơ sở vật chất văn hóa
Tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo	Thu nhập của cư dân nông thôn năm 2013 tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo nông thôn đến hết năm 2013 là 12,6% giảm bình quân 2%/năm so với năm 2008.
Văn hoá, xã hội, môi trường	- 47,5% số xã đạt tiêu chí về văn hóa - 86,1% số xã đạt tiêu chí về an ninh trật tự xã hội
Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh	61,8% số xã đạt tiêu chí về hệ thống tổ chức chính trị xã hội

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2014 và phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2015

Có thể nói, giai đoạn 2010 - 2020 là giai đoạn sôi nổi và quyết liệt nhất của công cuộc phát triển nông thôn mới tại Việt Nam. Bảng 1 trên đây cho thấy rõ mặc dù thành tựu đã đạt được còn chưa cao nhưng những thay đổi tích cực từng ngày ở nhiều vùng nông thôn là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, để tiếp tục gặt

hái được nhiều thành quả hơn nữa điều quan trọng là phải nhận thấy hạn chế của việc triển khai thực hiện chương trình đổi mới là gì? Nguyên nhân nào dẫn tới những hạn chế đó? Phương pháp khắc phục những hạn chế này ra sao? Phần tiếp theo của bài viết sẽ phân tích về vấn đề này.

3.1.2. Một số điểm hạn chế

Bên cạnh những thành quả đã đạt được nêu trên, công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế. Báo cáo của Tổng cục thống kê Việt Nam về thực trạng nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai năm gia nhập WTO đã chỉ rõ 5 điểm hạn chế của công cuộc phát triển nông thôn ở Việt Nam như sau. Thứ nhất, chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và đô thị vẫn tương đối lớn. Thứ hai, tổng số vốn đầu tư của chính phủ cho các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn vẫn ở mức thấp. Thứ ba, cơ sở hạ tầng nông thôn ở khu vực miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số vẫn thiếu và yếu kém cả về lượng và chất. Thứ tư, trình độ của các cán bộ quản lý cấp xã, huyện về chiến lược phát triển nông sản, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp trong thời đại kinh tế thị trường còn hạn chế. Thứ năm, xu hướng di dân ra đô thị và xu hướng người nông dân trở thành những công nhân trong các khu công nghiệp ngày càng phổ biến. Hệ quả của thực trạng này là nhiều đất nông nghiệp bị bỏ hoang và nhiều khu vực nông thôn bị ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước, bầu khí quyển. Bên cạnh đó, có thể chỉ ra một số hạn chế chủ yếu của việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2014 như bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Một số hạn chế về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2014

Hạng mục	Thành quả
Tiến độ triển khai dự án	- Chậm so với mục tiêu đặt ra (đến năm 2014 mới có khoảng 2% số xã đạt chuẩn Nông thôn mới), phong trào không đồng đều. - Số xã đạt được từng tiêu chí nông thôn mới chỉ chiếm dưới 50% (Bảng 1). - Chậm và khó khăn nhất là ở các địa phương vùng miền núi Tây bắc.
Chính sách hỗ trợ các dự án	- Thiếu đồng bộ và thiếu sự ưu tiên hợp lý. + Chỉ tập trung cao cho xây dựng cơ sở hạ tầng + Các nội dung về phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, phát triển văn hóa, cải thiện môi trường...chưa được quan tâm chỉ đạo và đầu tư đúng mức nên chậm có chuyển biến rõ nét. - Chưa hỗ trợ phù hợp đối với các địa phương có điểm xuất phát thấp và điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (vùng núi cao).
Công tác phối hợp thực hiện giữa các cấp	Chủ yếu tập trung thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của cấp xã như lập quy hoạch, đề án, xây dựng công trình hạ tầng công cộng. Thiếu sự quan tâm, chỉ đạo và cơ chế thực hiện các nhiệm vụ của cấp cộng đồng và cấp hộ.

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2014 và phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2015

Với những hạn chế nêu trên, bài viết này muốn bàn luận và phân tích cụ thể hơn về nguyên nhân dẫn đến những hạn chế này, từ đó chỉ ra phương pháp luận đúng đắn cho công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam.

Trước hết, về nguyên nhân khách quan, khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài từ cuối năm 2008 đến nay và những khó khăn về kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đến việc huy động và bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình

xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, lịch sử phát triển nông thôn của nhiều quốc gia trên thế giới cũng từng gặp phải những khó khăn tương tự. Điển hình là kinh nghiệm của Hàn Quốc. Hàn Quốc cũng phát động phong trào làng mới trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và tình hình nông nghiệp - nông thôn đang rơi vào tình trạng trì trệ lạc hậu từ những năm 1960 do ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh Nam – Bắc. Tuy nhiên, mặc cho những khó khăn về kinh tế, tổng thống Park Chung Hee vẫn mạnh dạn ưu tiên hàng đầu cho phát triển nông thôn. Bởi chính phủ Hàn Quốc đã nhận thức rõ rằng muốn phát triển kinh tế bền vững, nhiệm vụ quan trọng là phải giảm tối đa chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và đô thị. Thiết nghĩ trường hợp của Hàn Quốc chính là bài học thực tiễn quý báu để Việt Nam học hỏi và xác định lại chiến lược phân bổ ngân sách và nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Về nguyên nhân chủ quan, trước tiên phải kể đến sự hạn chế về nhận thức, trình độ của một bộ phận cán bộ quản lý cấp xã, phường dẫn đến sự thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện và tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên. Kinh nghiệm thực hiện các dự án làng mới của Hàn Quốc đã chứng minh các cán bộ quản lý cấp làng xã đóng vai trò vô cùng quan trọng, là một trong ba nhân tố quyết định thành công của phong trào làng mới. Không ai khác họ chính là những người hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp nhất các công việc cụ thể của các dự án làng mới. Bởi vậy, trong quá trình triển khai các dự án làng mới, tổng thống Park đã đề ra chiến lược phải đào tạo các cán bộ quản lý cấp làng xã một cách chuyên nghiệp cả về chuyên môn và tinh thần cống hiến hết mình. Trong khi đó, ở Việt Nam, việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý cấp làng

xã vẫn chưa được xác định là một chiến lược then chốt. Do vậy, có thể nói, công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam đang thiếu một trong những nhân tố quan trọng để tạo nên thành công.

Nguyên nhân chủ quan tiếp theo là nguồn vốn đầu tư ngân sách cho Chương trình còn thấp trong khi chính phủ và chính quyền địa phương các cấp chưa có chính sách phù hợp và quyết liệt để thu hút sự tham gia tự nguyện của người nông dân. Như đã đề cập ở trên, trong khi ở Hàn Quốc, người nông dân tự nguyện đóng góp đến 49% trong tổng số vốn đầu tư cho các dự án làng mới thì ở Việt Nam, đóng góp của người nông dân chỉ chiếm 13%. Có thể nói, sự tự nguyện và nhiệt huyết tham gia của người dân là nhân tố quan trọng nhất tạo nên thành công nhanh và lớn cho các dự án làng mới.

Mặt khác, đáng chú ý rằng khác với Hàn Quốc, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công cuộc phát triển nông thôn mới trong bối cảnh nền kinh tế thị trường công nghiệp hóa - hiện đại hóa toàn cầu hóa. Do vậy, các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng trở thành một trong những nhân tố quan trọng tạo nên thành công cho phong trào phát triển nông thôn mới ở Việt Nam. Các doanh nghiệp này có thể nhận thi công, đầu tư, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, máy móc cho các dự án làng mới. Do vậy, việc ban hành các chính sách phù hợp để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp này là một chiến lược rất cần thiết. Tuy nhiên, cho đến nay vấn đề này vẫn chưa được quan tâm nghiêm túc và cải thiện đáng kể. Theo báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nêu trên (Bảng 1), số vốn khối doanh nghiệp hỗ trợ cho các dự án làng mới chỉ chiếm khoảng 6% trong tổng số vốn đầu tư.

Nguyên nhân cuối cùng phải kể đến là sự phối hợp giữa các cấp, các ngành còn thiếu kịp thời, chặt chẽ, nhất là thời kỳ đầu triển khai chương trình. Một số ngành chưa đặt rõ nhiệm vụ thực hiện tiêu chí nông thôn mới của ngành là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn ngành từ trung ương đến xã.

3.1.3. Phương pháp luận đúng đắn từ phong trào làng mới của Hàn Quốc có thể áp dụng cho xây dựng và phát triển nông thôn mới ở Việt Nam

Hai dự án về cải thiện môi trường sống và nâng cao sản lượng nông nghiệp dưới sự hỗ trợ của chính phủ Việt Nam và Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc đã được triển khai trong hai năm 2001-2002 tại sáu làng của xã Khôi Kỳ, tỉnh Thái Nguyên. Các dự án này đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của người dân địa phương và đã đạt được những thành quả nhất định. Do vậy, kể từ năm 2001, chính phủ Việt Nam đã lựa chọn thêm 50 xã là đối tượng được áp dụng phương thức của phong trào làng mới của Hàn Quốc vào công tác đổi mới nông thôn ở Việt Nam. Tuy nhiên, các dự án này đã không đạt được kết quả như mong đợi do ngân sách nhà nước và các hỗ trợ về hành chính chưa thích đáng (Jeong Gi Hwan, 2006, tr. 88). Trong quá trình từng bước khắc phục những điểm hạn chế của công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam, chính phủ Việt Nam đã và đang học hỏi kinh nghiệm của phong trào làng mới của Hàn Quốc. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp triển khai các dự án làng mới của Việt Nam còn dập khuôn, máy móc mà chưa có sự phân tích về điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam. Do vậy, để khuôn mẫu của phong trào làng mới có thể được áp dụng rộng rãi theo phương hướng đúng đắn hơn tại Việt Nam thì cần thiết phải chỉ ra được các phương pháp luận đúng

đấn của phong trào làng mới phù hợp với Việt Nam. Từ việc tìm hiểu những nhân tố thành công và điểm hạn chế của phong trào làng mới của Hàn Quốc cũng như các điều kiện, bối cảnh phát triển nông thôn ở Việt Nam, bài viết này muốn chỉ ra một vài phương pháp luận đúng đắn cho công cuộc phát triển nông thôn mới ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, dù phong trào làng mới được áp dụng triển khai ở quốc gia nào, vùng nông thôn nào thì mục tiêu quan trọng nhất của phong trào vẫn là theo đuổi lợi ích tổng hợp của cả quốc gia, làng và cá nhân. Tức là, trước tiên, phong trào phải được phát động vì sự thịnh vượng và phát triển của từng hộ nông dân. Trên cơ sở đã đáp ứng tối đa các nhu cầu thiết thực của từng hộ nông dân, ban chỉ đạo phong trào ở từng làng hoặc nhóm làng có thể lên kế hoạch và tham khảo ý kiến của người dân về các hạng mục phát triển chung của làng hay nhóm làng mình. Từng hộ nông dân, từng làng, từng nhóm làng phát triển chính là sự đóng góp to lớn cho sự phát triển của quốc gia. Nói cách khác, nếu xem nhẹ lợi ích của cá nhân mà chỉ coi trọng lợi ích của làng và lợi ích của quốc gia thì phong trào sẽ không thể nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ, đồng đảo của người dân địa phương.

Thứ hai, cần xác định trong bộ tiêu chí gồm 19 tiêu chí phát triển nông thôn đã nêu trên đây là những tiêu chí cứng cần ưu tiên thực hiện ngay, đây là những tiêu chí mềm có thể thực hiện dài hạn hơn. Mỗi vùng nông thôn cũng có những điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư khác nhau. Do vậy, cần ưu tiên triển khai trước các dự án thật sự thiết thực với nhu cầu của người nông dân từng vùng nông thôn. Đối với trường hợp của Việt Nam, nói chung cần quan tâm trước tiên đến các dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, dự án tăng

sản lượng và chất lượng nông sản, dự án nâng cao thu nhập của nông dân (bao gồm thu nhập từ nông nghiệp và thu nhập phi nông nghiệp). Như đã đề cập ở trên, cơ sở hạ tầng nông thôn Việt Nam, đặc biệt là các miền núi, vùng sâu vùng xa vẫn đang ở tình trạng thiếu thốn cả về số lượng và chất lượng. Điều này có nghĩa là ngay cả nền tảng sản xuất và điều kiện sinh hoạt căn bản của một số vùng nông thôn vẫn chưa được đáp ứng một cách đầy đủ. Hơn nữa, vài năm trở lại đây, do chính sách chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất công nghiệp của chính phủ nên số người dân bị mất ruộng và trở thành thất nghiệp cũng ngày càng nhiều lên. Theo đó, việc triển khai tích cực các dự án tư vấn giáo dục nghề đa dạng cho người nông dân nhằm nâng cao thu nhập từ nông nghiệp và phi nông nghiệp là việc làm vô cùng cấp thiết. Trong đó, các dự án phát triển làng nghề như làng lụa truyền thống, làng gốm truyền thống, làng gỗ truyền thống chính là những dự án thiết thực để đạt được mục tiêu trên.

Thứ ba, ở các nước đang phát triển nói chung và ở Việt Nam nói riêng, điều kiện kinh tế của người nông dân còn thấp nên trước khi người nông dân có thể tự lập được thì vẫn cần sự hỗ trợ tích cực từ bên ngoài như chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nếu không khơi dậy được ba yếu tố bao gồm: tính cần mẫn, tính tự tạo và tinh thần hợp tác của người nông dân như phong trào làng mới tại Hàn Quốc thì các dự án phát triển nông thôn sẽ không thể gặt hái được thành công. Theo đó, Việt Nam cần triển khai tích cực hơn nữa các chương trình tuyên truyền, giáo dục ba phẩm chất trên cho người nông dân. Các chương trình tuyên truyền cần được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng hơn như bằng tranh ảnh, phim ảnh, trải nghiệm thực tế v.v... Bên cạnh đó, chính phủ Việt Nam có thể áp

dụng kinh nghiệm của Hàn Quốc là để cho người nông dân được trực tiếp lựa chọn các dự án thiết thực với họ, trực tiếp lên kế hoạch thực hiện dự án và để cho các cán bộ quản lý cấp làng, xã là người đại diện cho nông dân được trực tiếp báo cáo thành quả đạt được với các lãnh đạo cấp cao tại các cơ quan nhà nước tại trung ương. Phương pháp này sẽ khiến cho mỗi người nông dân, mỗi cán bộ quản lý cấp làng, xã nâng cao tinh thần trách nhiệm hơn trong công việc phát triển làng, xã mình.

Thứ tư, phương pháp luận đặc trưng nhất quyết định thành công của phong trào làng mới tại Hàn Quốc là chiến lược phát triển đi từ bên dưới, tức là người nông dân tại các làng xã là chủ nhân của các phong trào và chính phủ đóng vai trò chỉ đạo, hướng dẫn đường hướng chung. Nói một cách cụ thể, chính phủ là người phát động các dự án và hỗ trợ công cụ cần thiết cho người nông dân. Từng làng sẽ họp bàn trung cầu ý kiến của toàn dân làng để quyết định triển khai dự án nào thiết thực với lợi ích chung cũng như tự chuẩn bị các nguồn lực sẵn có của mỗi hộ nông dân để thực hiện dự án đó. Sau đó, đại diện mỗi làng xã sẽ báo cáo và đề nghị chính phủ hỗ trợ thêm cho những nguồn lực còn thiếu. Với phương pháp làm này, người nông dân vừa nắm được vấn đề khó khăn của bản thân vừa biết hợp sức để tìm ra phương án giải quyết cho các khó khăn đó. Đây cũng chính là phương pháp luận quan trọng có thể áp dụng cho phong trào phát triển nông thôn mới ở Việt Nam.

Thứ năm, có thể nói chiến lược phát huy sức cạnh tranh giữa các làng bằng việc hỗ trợ nhiều hơn cho các làng làm tốt hơn và ngược lại của phong trào làng mới tại Hàn Quốc là một phương pháp luận hiệu quả nhất. Một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công của phong trào làng mới tại Hàn Quốc

là chính sách khen thưởng thích đáng cho các làng có thành quả cao. Tức là, phong trào đã khơi dậy được tham vọng của các làng khi đưa ra chính sách làng nào càng nhiều thành tích càng được khen thưởng nhiều. Từ đó, những làng chưa làm tốt cũng tự có ý thức học hỏi theo các làng đã làm tốt. Phương pháp luận này chưa được áp dụng một cách linh hoạt tại Việt Nam. Do vậy, thông qua nhiều kênh thông tin, Việt Nam cần nêu gương mạnh mẽ hơn nữa những làng xã hay khu vực nông thôn đạt nhiều thành quả cao trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, việc công khai rộng rãi, minh bạch các chế độ khen thưởng cho các làng xã làm tốt là một việc làm vô cùng cần thiết và có ý nghĩa khích lệ to lớn với nhiều khu vực nông thôn khác.

Thứ sáu, các chương trình, khóa học đào tạo năng lực cán bộ quản lý cấp làng xã như khóa học đào tạo năng lực xây dựng, triển khai và quản lý các dự án phát triển nông thôn, khóa học nâng cao khả năng ứng phó tốt với các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn có vốn đầu tư nước ngoài v.v... cần được tổ chức một cách nghiêm túc và thực chất hơn tại Việt Nam. Ngoài việc xây dựng các trung tâm đào tạo kiểu mẫu như Hàn Quốc thì việc phái cử các cán bộ quản lý cấp làng xã ưu tú sang học tập trực tiếp tại Hàn Quốc cũng góp phần to lớn trong việc nâng cao nhiệt huyết và năng lực của những cán bộ nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn. Chính đội ngũ cán bộ quản lý này sẽ đóng vai trò là những người thầy trực tiếp truyền lại những kinh nghiệm bổ ích cho người nông dân trong việc triển khai thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Hiện nay, có thể nói, hạn chế lớn nhất của phong trào xây dựng phát triển nông thôn mới ở Việt Nam là thiếu những người nông dân

và những cán bộ quản lý cấp làng xã có nhiệt huyết và năng lực thực sự để có thể thích ứng tốt với thời đại kinh tế thị trường và thời đại công nghiệp hóa nông thôn. Điều này có nghĩa là, ở mọi quốc gia, trong mọi phong trào, con người vẫn luôn là yếu tố quyết định của sự phát triển. Do vậy, thiết nghĩ phong trào xây dựng phát triển nông thôn mới ở Việt Nam cần có chính sách phù hợp và hiệu quả hơn nữa trong việc đào tạo ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự tạo và năng lực quản lý cũng như năng lực thực hiện các hạng mục cụ thể của cán bộ quản lý các cấp và người nông dân.

4. Kết luận

Bài viết đã trả lời được đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Tiếp cận theo quan điểm khách quan, bài viết đã chỉ rõ rằng khi đánh giá về phong trào làng mới của Hàn Quốc cần nhìn nhận ở cả mặt thành công và mặt hạn chế. Về mặt thành công, quan trọng hơn cả phải kể đến yếu tố con người. Đó là ba nhân tố bao gồm: người lãnh đạo tối cao tài ba và chiến lược, cán bộ quản lý làng xã tràn đầy nhiệt huyết và năng lực, người nông dân cần mẫn và tự giác. Về mặt hạn chế, trong quá trình triển khai thực hiện, phong trào làng mới không tránh khỏi sự áp đặt của cấp trên về ý tưởng hay phương thức triển khai ở một số dự án nhất định, sự thiếu hợp lý trong việc ưu tiên triển khai các dự án thiết thực. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là những thành công hay hạn chế của phong trào làng mới đều trở thành bài học kinh nghiệm quý báu cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam và Hàn Quốc đang từng bước phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện. Đặc biệt, trong khoảng 5 năm trở lại đây, từ khi Việt Nam phát động Chương trình mục

tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, hợp tác giữa hai nước về lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn càng diễn ra sôi nổi. Những thành công và hạn chế của phong trào làng mới chính là bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam. Trong đó, bài viết này đặc biệt muốn nhấn mạnh đến việc đào tạo yếu tố con người. Việt Nam cần suy nghĩ một cách nghiêm túc hơn nữa xem bằng cách nào Hàn Quốc lại có được đội ngũ cán bộ quản lý tràn đầy nhiệt huyết và năng lực như thế? Bằng cách nào để người nông dân Hàn Quốc có được tinh thần cần mẫn, tự tạo và hợp tác cao như vậy? Chính phủ và nhân dân Việt Nam đang đánh giá rất cao sự hỗ trợ cả về kĩ thuật và tài chính của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) cho nhiều dự án phát triển nông thôn ở Việt Nam. Bên cạnh đó, thông qua kinh nghiệm triển khai các dự án phát triển nông thôn ở Việt Nam, Hàn Quốc cũng rút ra được bài học bổ ích cho việc xây dựng chiến lược quốc tế hóa phong trào làng mới. Với ý nghĩa này, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào sự hợp tác không ngừng phát triển giữa hai nước về lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Nguyễn Tuấn Anh và cộng sự (2016). *Phong trào Làng mới ở Hàn Quốc và chương trình xây dựng Nông thôn mới ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn số 1b (2). 15-25.

Ban chỉ đạo trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2015). *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2014 và phương hướng nhiệm vụ đến năm 2015*.

Bùi Quang Dũng (2009). Một số vấn đề phát triển nông thôn Việt Nam thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Tạp chí Xã hội học 1 26.

- Nguyễn Sinh Cúc (2008). *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai năm vào WTO (2007-2008)*. Báo cáo số VNH3.TB9.733 của Tổng cục Thống kê Việt Nam. tr. 1-15.
- Đình Quang Hải (2010). *Phong trào làng mới ở Hàn Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á số 8. 1-10.
- Hoàng Ngọc Hòa (2008). *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Lê Tiêu La (2007). *Một số biến đổi xã hội ở nông thôn vùng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*. Đề tài cấp cơ sở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- Phạm Xuân Liêm (2014). *Phong trào Saemaulundong và mô hình làng mới ở Hàn Quốc*. Tạp chí Kiến trúc Việt Nam số 5. 15-26.
- Trần Ngọc Ngoạn (2007). *Phát triển nông thôn bền vững: những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*. Đề tài cấp cơ sở Viện Nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững.
- Phạm Thị Oanh (2011). *Phong trào làng mới saemaul ở Hàn Quốc: Quá trình phát triển và thành tựu*. Tạp chí Xã hội học 4. 95-104.
- Đặng Kim Sơn (2001). *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp - Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*. NXB Nông nghiệp.
- Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu. *Phát triển Nông thôn bằng phong trào nông thôn mới (Seamun Undong) ở Hàn Quốc*. Viện chính sách và phát triển nông nghiệp nông thôn (2001). www.ipsard.gov.vn
- Nguyễn Thanh Tuấn (2014). *Thực trạng và giải pháp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An*. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
- Hoàng Bá Thịnh (2016). *Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 7(104). 1-11.

Tiếng Anh

- Do Hyun Han (2012). *The Successful Cases of the Korea's Saemaul Undong (New Community Movement)*. Korea Saemaulundong Center; Ministry of Public Administration and Security (MOPAS), Republic of Korea.

Tiếng Hàn

- 김대영 (2004), 박정희 국가동원 매커니즘에 관한 연구: 새마을운동을 중심으로, *경제와사회* 제61권, 184-221.
- 덩티투호영 (2013), *한국의 새마을운동이 베트남의 신농촌건설 정책에 주는 시사점*, 석사논문, 한국학중앙연구원.
- 박진환 (2005), *박정희 대통령의 한국경제 근대화와 새마을운동*, 박정희대통령기념사업회 출판사.
- 박진도, 한도현 (1999), 새마을운동과 유신체제: 박정희 정권의 농촌 새마을운동을 중심으로, *역사비평* 47, 37-80.
- Phan Nguyễn Ngọc Thy (2014), *1970년대 대한민국의 새마을운동과 2010-2020년대 베트남의 새농촌운동 비교 분석*, 석사논문, 영남대학교.
- 오유석 (2005), 남북한의 국가 주도 발전 전략과 대중 동원: 새마을 운동과 천리마 운동 비교, *동향과 전망 동향과전망 통권 제64호*, 185-220.
- 이양수 (2014), *새마을운동의 베트남 적용 한계 및 보완점: 베트남 신농촌개발운동을 중심으로*, 한국비교정부학보 제18권 3호, 81-100.
- 정기환 (2006), *한국 농촌개발 경험의 국제화 전략: 새마을운동을 중심으로*, 농업분야 국제협력의 과제와 추진전략, 한국농촌경제연구원 출판사.
- 정영국 (2003), *유신체제의 특성과 경제정책의 의의*, 한국문화정신연구원 출판사.
- 트란휴트리 (2016), *한국 새마을운동과 베트남 농촌개발운동의 추진방식과 효과에 관한 비교 연구*, 박사논문, 한양대학교.
- 한도현 (2006), *새국민, 새공동체, 돌진적 근대: 새마을 운동의 대중동원*, 박정희 시대와 한국 현대사, 선인 출판사.
- 황연수 (2006), *농촌 새마을운동의 재조명*, 수록지명 제5권 2호, 17-54.

RE-EVALUATE THE “SAEMAUL UNDONG” MOVEMENT IN SOUTH KOREA AND LESSONS FOR NEW-STYLE RURAL DEVELOPMENT IN VIETNAM

Cao Thi Hai Bac

*Faculty of Korean Language and Culture, VNU University of Languages and International
Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: In the past five years, the movement of building and developing a new rural is particularly interested in Vietnam. The approval of the Prime Minister of the National Target Programme on new rural period of 2010 - 2020 clearly reflected Vietnam’s determination to improve living conditions in rural areas in order to make a balanced development between urban and rural areas as well as maintaining the sustainable development of Vietnam. In this process, Vietnam will not be successful without learning experiences from other countries in the world. Because of having many similarities about history, culture as well as the new rural development context, Vietnam is particularly interested in applying the new village development model of South Korea on the building of a new rural. However, the academic research to learn about the new village movement of Korea in order to draw lessons for Vietnam is not only limited in quantity but also has not been fully and objectively assessed. Therefore, most of those studies have not shown a proper methodology which is suitable for building a new rural in Vietnam. Considering these limitations, this article will assess the movement new villages of Korea with a critique view, notably by considering all the factors of success and the limitations of this movement. Since then, the article will indicate a proper methodology for the development of new rural areas in Vietnam from the experience of South Korea.

Keywords: the movement of building and developing a new rural, the new village movement, “Saemaul undong”